

CHƯƠNG TRÌNH VAY TIÊU DÙNG QUA LƯƠNG ÁP DỤNG CHO NHÂN VIÊN SẢN XUẤT (OPERATOR)

1. Điều kiện:

- Độ tuổi: 20 – 50 tuổi
- Mức lương: Từ 5 triệu đồng trở lên
- Thời gian làm việc: Tối thiểu 01 năm

Lưu ý: Đối với nhân viên sản xuất có thời gian làm việc chưa đến 01 năm, khoản vay sẽ được áp dụng mức lãi suất 1.83%/tháng, đồng thời yêu cầu lương trung bình tối thiểu 7 triệu đồng trong 03 tháng gần nhất.

2. Thủ tục hồ sơ

Bước 1: Chuẩn bị những hồ sơ sau:

- CMND của người vay (*bản gốc*)
- Sổ hộ khẩu của người vay (*bản gốc*)
- Hợp đồng lao động (*bản gốc*)
- Sao kê lương Ngân hàng Ngoại thương/Woori 03 tháng gần nhất (nếu đang nhận lương bằng thẻ của Ngân hàng Ngoại thương/Woori)

Lưu ý: Ngân hàng sẽ gửi lại các giấy tờ gốc của khách hàng sau khi tiếp nhận và đối chiếu

Bước 2: Nộp hồ sơ tại các văn phòng và quầy tư vấn của Ngân hàng Shinhan

- Địa chỉ 1: Văn phòng Ngân hàng Shinhan – Tầng 2 Tòa nhà An ninh, Cổng Đông SEVT
Thời gian: 8h30 – 16h30, từ thứ Hai – thứ Sáu (trừ ngày lễ)
- Địa chỉ 2: Văn phòng Ngân hàng Shinhan – Tầng 2, Tòa nhà Cầu lạc bộ, Cổng Linh kiện 4 Công ty SEVT
Thời gian: 8h30 – 14h00, từ thứ Hai – thứ Sáu (trừ ngày lễ)
- Địa chỉ 3: Quầy hỗ trợ Ngân hàng Shinhan – Tầng 2 Tòa nhà văn phòng Công ty SEMV
Thời gian: 11h30 – 13h30, các ngày thứ 3 và thứ 5 hàng tuần (trừ ngày lễ)

Bước 3: Làm thủ tục chuyển lương từ Ngân hàng Ngoại thương/Woori sang Ngân hàng Shinhan (áp dụng cho nhân viên SEVT)

Nộp giấy Xác nhận Tài khoản (do Ngân hàng Shinhan cấp) và 01 bản CMND công chứng cho Trung tâm Hỗ trợ Nhân viên SEVT

Địa điểm: Trung tâm Hỗ trợ Nhân viên – Tầng 2, Tòa nhà Đào tạo (gần Nhà ăn 1)

❖ **Lịch giải ngân dự kiến:** 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

3. Bảng tính dự kiến trả gốc và lãi hàng tháng:

Đối tượng/lãi suất	Số tiền vay (VNĐ)	Thời gian vay 01 năm		Thời gian vay 02 năm		Thời gian vay 03 năm (chỉ áp dụng KH lương ≥ 7tr)			
		Tổng lãi (01 năm)	Trả hàng tháng (Gốc + Lãi)	Tổng lãi (02 năm)	Trả hàng tháng (Gốc + Lãi)	Tổng lãi (03 năm)	Trả hàng tháng (Gốc + Lãi)		
Nhân viên Sản xuất	20.000.000	2.042.000	1.833.000	4.042.000	998.000	Không áp dụng			
	30.000.000	3.063.000	2.750.000	6.063.000	1.497.000				
- Lương: Tối thiểu	40.000.000	4.084.000	3.667.000	8.084.000	1.996.000	12.250.000	1.446.096		
5.000.000 đồng	50.000.000	Không áp dụng vay trong 01 năm		10.105.000	2.496.000	15.311.000	1.807.620		
- Thời gian làm việc:	60.000.000			12.126.000	2.995.000	18.373.000	2.169.144		
01 năm	70.000.000			14.147.000	3.494.000	21.436.000	2.530.668		
	90.000.000			Không áp dụng vay trong 02 năm				27.600.000	3.253.716
	110.000.000							33.683.000	3.976.764

CHƯƠNG TRÌNH VAY TIÊU DÙNG QUA LƯƠNG ÁP DỤNG CHO KỸ THUẬT VIÊN/NHÂN VIÊN VĂN PHÒNG

1. Điều kiện:

- Độ tuổi: 20 – 50 tuổi
- Mức lương: Từ 07 triệu đồng trở lên
- Thời gian làm việc: Tối thiểu 06 tháng

2. Thủ tục hồ sơ

Bước 1: Chuẩn bị những hồ sơ sau:

- CMND của người vay (*bản gốc*)
- Sổ hộ khẩu của người vay (*bản gốc*)
- Hợp đồng lao động (*bản gốc*)
- Sao kê lương Ngân hàng Ngoại thương/Woori 03 tháng gần nhất (nếu đang nhận lương bằng thẻ Ngân hàng Ngoại thương/Woori)

Lưu ý: Ngân hàng sẽ gửi lại các giấy tờ gốc của khách hàng sau khi tiếp nhận và đối chiếu

Bước 2: Nộp hồ sơ tại các văn phòng và quầy tư vấn Shinhan Bank

- Địa chỉ 1: Văn phòng Ngân hàng Shinhan – Tầng 2 Tòa nhà An ninh, Cổng Đông SEVT
Thời gian: 8h30 – 16h30, từ thứ Hai – thứ Sáu (trừ ngày lễ)
- Địa chỉ 2: Văn phòng Ngân hàng Shinhan – Tầng 2, Tòa nhà Câu lạc bộ, Cổng Linh kiện 4 Công ty SEVT
Thời gian: 8h30 – 14h00, từ thứ Hai – thứ Sáu (trừ ngày lễ)
- Địa chỉ 3: Quầy hỗ trợ Ngân hàng Shinhan – Tầng 2 Tòa nhà văn phòng Công ty SEMV
Thời gian: 11h30 – 13h30, các ngày thứ 3 và thứ 5 hàng tuần (trừ ngày lễ)

Bước 3: Làm thủ tục chuyển lương từ Ngân hàng Ngoại thương/Woori sang Ngân hàng Shinhan (áp dụng cho nhân viên SEVT)

Nộp giấy Xác nhận Tài khoản (do Ngân hàng Shinhan cấp) và 01 bản CMND công chứng cho Trung tâm Hỗ trợ Nhân viên SEVT

Địa điểm: Trung tâm Hỗ trợ Nhân viên – Tầng 2, Tòa nhà Đào tạo (gần Nhà ăn 1)

❖ Lịch giải ngân dự kiến: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

3. Bảng tính dự kiến trả gốc và lãi hàng tháng:

Đối tượng/lãi suất	Số tiền vay (VNĐ)	Thời gian vay 01 năm		Thời gian vay 02 năm		Thời gian vay 03 năm	
		Tổng tiền lãi (01 năm)	Trả hàng tháng (Gốc + Lãi)	Tổng tiền lãi (02 năm)	Trả hàng tháng (Gốc + Lãi)	Tổng lãi (03 năm)	Trả hàng tháng (Gốc + Lãi)
Kỹ thuật viên/Nhân viên văn phòng - Lương: Từ 7.000.000 đến dưới 16.000.000 đồng - Thời gian làm việc: 06 tháng	40.000.000	3.156.000	3.591.000	6.206.000	1.920.000	9.399.000	1.367.000
	50.000.000	3.946.000	4.489.000	7.758.000	2.400.000	11.749.000	1.708.000
	60.000.000	4.735.000	5.387.000	9.310.000	2.880.000	14.099.000	2.050.000
	70.000.000	5.524.000	6.285.000	10.862.000	3.360.000	16.449.000	2.392.000
	80.000.000	6.313.000	7.182.000	12.413.000	3.841.000	18.799.000	2.734.000
	100.000.000	Không áp dụng vay trong 01 năm		15.517.000	4.801.000	23.498.000	3.417.000
	120.000.000			18.620.000	5.761.000	28.198.000	4.101.000
150.000.000			23.275.000	7.201.000	35.248.000	5.126.000	
Kỹ thuật viên/Nhân viên văn phòng - Lương: Từ 16.000.000 đồng trở lên - Thời gian làm việc: 03 tháng	60.000.000	4.045.000	5.330.000	7.928.000	2.824.000	11.968.000	1.992.000
	70.000.000	4.720.000	6.219.000	9.249.000	3.295.000	13.962.000	2.325.000
	80.000.000	5.394.000	7.107.000	10.571.000	3.765.000	15.957.000	2.657.000
	100.000.000	6.743.000	8.884.000	13.214.000	4.707.000	19.946.000	3.321.000
	120.000.000	8.091.000	10.661.000	15.856.000	5.648.000	23.936.000	3.985.000
	150.000.000	10.114.000	13.327.000	19.821.000	7.061.000	29.920.000	4.982.000
	200.000.000	13.486.000	17.769.000	26.428.000	9.414.000	39.893.000	6.642.000
300.000.000	20.229.000	26.654.000	39.642.000	14.122.000	59.840.000	9.964.000	

CHƯƠNG TRÌNH VAY TIÊU DÙNG QUA LƯƠNG LÃI SUẤT ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI

1. Điều kiện:

- Đối tượng: Kỹ thuật viên/Nhân viên văn phòng/Quản lý
- Thu nhập tối thiểu: 10 triệu/tháng (trung bình lương thực nhận 06 tháng gần nhất)
- Thời gian làm việc: Từ 02 năm trở lên

2. Thủ tục hồ sơ

Bước 1: Chuẩn bị những hồ sơ sau:

- CMND của người vay (*bản gốc*)
- Sổ hộ khẩu của người vay (*bản gốc*)
- Sổ tạm trú của người vay (*áp dụng đối với khách hàng đang không sinh sống tại địa chỉ như trên hộ khẩu*)
- Hợp đồng lao động (*bản gốc*)
- Sao kê lương Ngân hàng Ngoại thương/Woori 03 tháng gần nhất (nếu đang nhận lương bằng thẻ Ngân hàng Ngoại thương/Woori)

Lưu ý: Ngân hàng sẽ gửi lại các giấy tờ gốc của khách hàng sau khi tiếp nhận và đối chiếu

Bước 2: Nộp hồ sơ tại các văn phòng và quầy tư vấn Shinhan Bank

- Địa chỉ 1: Văn phòng Ngân hàng Shinhan – Tầng 2 Tòa nhà An ninh, Cổng Đông SEVT
Thời gian: 8h30 - 16h30, từ thứ Hai – thứ Sáu (trừ ngày lễ)
- Địa chỉ 2: Văn phòng Ngân hàng Shinhan – Tầng 2, Tòa nhà Câu lạc bộ, Cổng Linh kiện 4 Công ty SEVT
Thời gian: 8h30 - 14h00, từ thứ Hai – thứ Sáu (trừ ngày lễ)
- Địa chỉ 3: Quầy hỗ trợ Ngân hàng Shinhan – Tầng 2 Tòa nhà văn phòng Công ty SEMV
Thời gian: 11h30 - 13h30, các ngày thứ 3 và thứ 5 hàng tuần (trừ ngày lễ)

Bước 3: Làm thủ tục chuyển lương từ Vietcombank/Wooribank sang Shinhan Bank (áp dụng cho nhân viên SEVT)

Nộp giấy Xác nhận Tài khoản (do Ngân hàng Shinhan cấp) và 01 bản CMND công chứng cho Trung tâm Hỗ trợ Nhân viên SEVT

Địa điểm: Trung tâm Hỗ trợ Nhân viên – Tầng 2, Tòa nhà Đào tạo (gần Nhà ăn 1)

❖ Lịch giải ngân dự kiến: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ

3. Bảng tính trả gốc lãi hàng tháng dự kiến

Đối tượng/lãi suất	Số tiền vay (VNĐ)	Thời gian vay 01 năm		Thời gian vay 02 năm		Thời gian vay 03 năm	
		Tổng lãi (01 năm)	Trả hàng tháng (Gốc + Lãi)	Tổng lãi (02 năm)	Trả hàng tháng (Gốc + Lãi)	Tổng lãi (03 năm)	Trả hàng tháng (Gốc + Lãi)
Kỹ thuật viên/Nhân viên văn phòng/Quản lý - Lương: Tối thiểu 10.000.000 đồng - Thời gian làm việc: 02 năm	70.000.000	3.917.287	6.154.112	7.665.009	3.230.145	11.536.037	2.258.703
	80.000.000	4.476.899	7.033.271	8.760.010	3.691.594	13.184.042	2.581.375
	90.000.000	5.036.512	7.912.430	9.855.012	4.153.043	14.832.047	2.904.047
	100.000.000	5.596.124	8.791.589	10.950.013	4.614.493	16.480.052	3.226.719
	150.000.000	Không áp dụng vay trong 01 năm		16.425.020	6.921.739	24.720.079	4.840.078
	200.000.000			21.900.026	9.228.985	32.960.105	6.453.437
	250.000.000			27.334.168	11.536.232	41.200.131	8.066.797
	300.000.000			32.801.005	13.843.478	49.440.157	9.680.156
	400.000.000			43.176.758	18.457.971	65.191.820	12.906.875
	500.000.000			Không áp dụng vay trong 02 năm		81.489.775	16.133.594